

Số: /BC-UBND

Mường Khương, ngày tháng 01 năm 2021

BÁO CÁO

Tổng kết 5 năm thực hiện Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường lớp theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai

Thực hiện Văn bản số 2209/SGD&ĐT-KHTC, ngày 14/12/2020 của Sở GD&ĐT Lào Cai về tổng kết 5 năm thực hiện Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường lớp theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai. Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương báo cáo kết quả công tác quy hoạch mạng lưới, trường lớp học; xây dựng cơ sở vật chất trường học giai đoạn 2015-2020; nhu cầu đầu tư xây dựng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện như sau:

I. Tình hình chung

Mường Khương là một huyện vùng cao, biên giới của tỉnh Lào Cai, là một trong 62 huyện nghèo của cả nước. Huyện có 55.434.32 ha diện tích đất tự nhiên với 73,56 km đường biên giới Việt-Trung, có 05 đồn Biên phòng đóng quân trên địa bàn. Huyện có 15 xã và 01 thị trấn (trong đó 8 xã và 01 thị trấn biên giới), có 157 thôn bản với 13.395 hộ, dân số 63.088 người, gồm 14 dân tộc anh em sinh sống, trong đó 85,78% là đồng bào các dân tộc thiểu số.

Được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước và tỉnh Lào Cai, những năm gần đây kinh tế xã hội của huyện từng bước được nâng lên; cơ sở hạ tầng được đầu tư, đặc biệt là cơ sở vật chất trường học, các điều kiện bảo đảm dạy và học ngày càng tốt hơn, quy mô giáo dục có sự tăng trưởng, mạng lưới cơ sở giáo dục được mở rộng; chất lượng giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn, cơ bản các trường có đủ giáo viên đạt tỷ lệ tối thiểu theo quy định.

II. Kết quả thực hiện

1. Việc tiếp nhận các văn bản chỉ đạo của cấp trên; quá trình triển khai thực hiện

1.1. Việc tiếp nhận các văn bản chỉ đạo của cấp trên

- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 14/02/2015 của UBND tỉnh Lào Cai, về việc triển khai xây dựng đề án và thực hiện quy hoạch mạng lưới trường lớp đối với giáo dục Mầm non, Phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2015-2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/8/2015 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt Đề án “Rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học đối với giáo dục Mầm non, Phổ thông và Giáo dục thường xuyên tỉnh Lào Cai Giai đoạn 2015 - 2020, định hướng đến 2030.

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh Lào Cai tiếp tục rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường, lớp học trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 129-KH/HU ngày 27/3/2018 của Huyện ủy Mường Khương về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Hệ thống các văn bản chỉ đạo, rà soát, quy hoạch, phê duyệt đầu tư xây dựng nhà lớp học, nhà công vụ giáo viên, phòng ở và các hạng mục công trình phụ trợ cho học sinh bán trú,... của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT Lào Cai.

1.2. Quá trình triển khai thực hiện

- Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở GD&ĐT, UBND huyện đã xây dựng và ban hành Đề án số 1420/ĐA-UBND ngày 14/9/2015 của UBND huyện Mường Khương về Quy hoạch mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Chỉ đạo và giao Phòng Giáo dục và Đào tạo là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo; kế hoạch triển khai chỉ đạo nhiệm vụ trọng tâm năm học hằng năm. Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn trong công tác tham mưu quy hoạch mạng lưới trường, lớp, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động giáo dục tại các nhà trường; tham mưu hoàn thiện hồ sơ, thủ tục sáp nhập, chuyển đổi các đơn vị trường có quy mô nhỏ; quy hoạch, chuyển địa điểm mới cho các cơ sở giáo dục...

2. Quy mô, mạng lưới trường, lớp học

2.1. Quy mô, mạng lưới trường, lớp

Quy mô, mạng lưới trường, lớp tiếp tục phát triển, phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân; thuận lợi cho việc đầu tư và nâng cao chất lượng giáo dục. Năm học 2020-2021, toàn huyện có 56 đơn vị trường, trong đó Mầm non 20 trường, Tiểu học 17, THCS 16 trường, TH&THCS 03 trường (Giảm 05 trường so với năm học 2015-2016, lý do: Sáp nhập). Nhóm, lớp: 797 nhóm lớp = 20.699 học sinh (mầm non 252 lớp = 5936 trẻ; tiểu học 389 lớp = 8117 học sinh; THCS 153 lớp = 4990 học sinh).

**** Tỷ lệ tuyển sinh các lớp đầu cấp tính đến thời điểm tháng 12/2020***

- Tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi Mầm non: Huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt 35%; huy động trẻ 3 đến 5 tuổi ra lớp trên 99%; riêng trẻ 5 tuổi ra lớp 100%;

- Tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi Tiểu học: Số trẻ từ 6-10 tuổi ra lớp đạt 99,78%; số trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

- Tỷ lệ học sinh đi học so với dân số trong độ tuổi THCS: Số trẻ từ 11-14 tuổi ra lớp đạt 98,5%; số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt 99,3%.

*** Sáp nhập, xóa các điểm trường; sáp nhập trường TH, THCS; chuyển địa điểm mới cho các cơ sở giáo dục; số cán bộ, giáo viên, nhân viên dôi dư do sáp nhập**

- Sáp nhập điểm trường: Tính đến thời điểm hiện tại (năm học 2020-2021) đã sáp nhập được 40 điểm trường lẻ của cấp mầm non và tiểu học.

- Xóa 15 điểm trường lẻ: Mầm non 04 điểm: Điểm trường Lũng Tây (MN La Pan Tân), điểm trường Ngải Phóng Chồ, Na Cỏ (Lò Sủ Thàng), Lò Cỏ Chin (MN Pha Long). Tiểu học 11 điểm: Điểm trường Tảo Giàng, Bản Sinh (TH Lũng Vai), Cúi Chủ (TH Chợ Chậu), Cu Ty Chải (TH La Pan Tân), Lò Cỏ Chin (TH Pha Long), Ngải Phóng Chồ, Na Cỏ (TH Lò Sủ Thàng), Lao Chải (TH Nậm Chảy), Nùng Chéng Nùng, Lao Cu Chải (TH Cao Sơn), Na Mãng (TH Tả Gia Khâu).

- Sáp nhập trường Tiểu học, THCS: Sáp nhập 10 trường Tiểu học, THCS thành 05 trường, giảm 07 trường so với năm học 2015-2016.

+ Sáp nhập trường tiểu học số 1 thị trấn với trường Tiểu học số 3 thị trấn thành trường Tiểu học số 1 thị trấn (*Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 24/7/2017*).

+ Sáp nhập trường trường tiểu học với trường THCS Tung Chung Phó (*Quyết định số 175/QĐ-UBND ngày 24/7/2017*).

+ Sáp nhập và chuyển đổi trường trường Tiểu học Lò Sủ Thàng với trường PTDTBT THCS Lò Sủ Thàng thành trường PTDTBT TH&THCS Lò Sủ Thàng (*Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 21/7/2018*).

+ Sáp nhập và chuyển đổi trường tiểu học xã Thanh Bình 1 với trường Tiểu học xã Thanh Bình 2 thành trường PTDTBTTH Thanh Bình (*Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 26/8/2019*).

+ Sáp nhập và chuyển đổi trường Tiểu học Dìn Chín với trường THCS Dìn Chín thành trường PTDTBT TH&THCS Dìn Chín (*Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 26/8/2019*).

- Chuyển địa điểm mới cho các cơ sở giáo dục: Chuyển địa điểm mới đối với Trung tâm GDNN&GDTX huyện (Cơ sở hiện bàn giao cho trường PTDTNTTHCS&THPT huyện); chuyển địa điểm mới cho trường PTDTBT TH&THCS Lò Sủ Thàng, điểm cũ bàn giao lại cho trường Mầm non Lò Sủ Thàng sử dụng.

- Số cán bộ, giáo viên, nhân viên dôi dư do sáp nhập: Trên cơ sở sáp nhập 10 trường thành 05 trường, Ngành giáo dục đã dôi dư được 21 CBQL, GV, NV (Quản lý 05, Giáo viên 10, Nhân viên 06), Ngành giáo dục đã chủ động phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện luân chuyển đến các trường thiếu đội ngũ nhằm đảm bảo hoạt động giáo dục.

*** Huy động học sinh ở các điểm trường lẻ ra học tại trường chính**

- Từ năm học 2015-2016 đến năm 2020-2021 đã huy động được 3940 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ra trường chính, cụ thể:

+ Năm học 2015-2016: Sắp xếp và chuyển 237 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ở các điểm trường lẻ về trường chính (lớp 1: 15 HS, lớp 2: 19 HS, lớp 3: 30 HS, lớp 4: 83 HS, lớp 5: 90 HS).

+ Năm học 2016-2017: Sắp xếp và chuyển 419 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ở các điểm trường lẻ về trường chính (lớp 1: 22 HS, lớp 2: 37 HS, lớp 3: 65 HS, lớp 4: 161 HS, lớp 5: 134 HS).

+ Năm học 2017-2018: Sắp xếp và chuyển 564 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ở các điểm trường lẻ về trường chính (lớp 1: 19 HS, lớp 2: 27 HS, lớp 3: 91 HS, lớp 4: 208 HS, lớp 5: 219 HS).

- Năm học 2018-2019: Sắp xếp và chuyển 653 học sinh, trong đó có 337 học sinh lớp 4, lớp 5).

+ Năm học 2019-2020: Sắp xếp và chuyển 965 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ở điểm trường lẻ về trường chính, trong đó (*học sinh lớp 1: 23 học sinh, lớp 2: 33 học sinh, lớp 3: 181 học sinh, lớp 4: 584 học sinh, lớp 5: 144 học sinh*).

+ Năm học 2020-2021: Sắp xếp và chuyển 1102 học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ở điểm trường lẻ về trường chính, trong đó (*học sinh lớp 1: 44 học sinh, lớp 2: 60 học sinh, lớp 3: 310 học sinh, lớp 4: 368 học sinh, lớp 5: 320 học sinh*).

- Tổng đến thời điểm tháng 12/2020 (năm học 2020-2021) đã huy động 96,7% học sinh lớp 4, lớp 5 ở điểm trường lẻ ra học tại trường chính.

*** Cơ sở vật chất ở điểm trường lẻ sau khi đưa học sinh về trường chính:**

- UBND huyện chỉ đạo và giao cho Phòng GD&ĐT rà soát số lượng phòng học, công trình lớp học tại các điểm trường đã xóa, điểm trường thừa phòng học, đề xuất phương án như sau:

+ Bàn giao lại cho cấp học mầm non sử dụng làm phòng học.

+ Đã bàn giao lại cho các xã, thị trấn quản lý 19 điểm trường, trong đó xã Bản Xen 01, xã Lùng Vai 07, xã Tung Chung Phố 01, xã Pha Long 01, xã Dìn Chín 03, xã Tả Gia Khâu 01, xã Cao Sơn 02, xã La Pan Tần 03.

2.2. Huy động nguồn lực đầu tư

- Cơ sở vật chất trường, lớp học, nhà công vụ giáo viên, nhà ở cho học sinh bán trú được quan tâm đầu tư. Trong 5 năm đã đầu tư xây dựng 442 phòng học, 42 phòng hiệu bộ, 03 nhà đa năng, 226 phòng công vụ giáo viên, 110 phòng ở cho học sinh bán trú, 53 nhà vệ sinh, 13 nhà tắm, 25 bếp ăn cho học sinh bán trú; sửa chữa và nâng cấp nhiều hạng mục công trình. Tổng trị giá trên 190 tỷ đồng.

- Chuyển địa điểm mới cho 02 đơn vị: Trung tâm GDNN&GDTX huyện, trường PTDTBTTH&THCS Lò Sủ Thàng.

- Huy động các tổ chức, cá nhân đóng góp, ủng hộ xây dựng được 27 phòng học, ước tính khoảng trên 9 tỷ đồng.

- Kết quả công tác XHHGD có nhiều chuyển biến tích cực, các cấp các ngành, các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội và nhân dân đã quan tâm chăm lo tới sự nghiệp GD. Tổng số nguồn XHH ủng hộ cho công tác giáo dục và đào tạo trong 5 năm (từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 quy ra tiền) trên 20 tỷ đồng.

III. Đánh giá chung

1. Ưu điểm

- Các mục tiêu của Đề án rà soát mạng lưới trường, lớp cơ bản đảm bảo tiến độ theo kế hoạch, một số chỉ tiêu đã hoàn thành, cụ thể: Tính đến tháng 12/2020 đã sáp nhập được 10 trường thành 05 trường (đạt 125% so với mục tiêu của Đề án), giảm 05 trường; sáp nhập 40 điểm trường mầm non, tiểu học (Đạt 100% so với mục tiêu Đề án), đưa được 3940 học sinh từ điểm trường lẻ về học tại trường chính; nhiều đơn vị trường vùng cao đã đưa học sinh từ lớp 1 đến lớp 3 về trường chính, từ đó đã tăng được số lượng học sinh/lớp. Chuyển đổi 08 trường phổ thông công lập thành trường PTDTBT (Tiểu học Cao Sơn, Nậm Cháy, Nậm Lư, Thanh Bình; THCS Thanh Bình, Lùng Khấu Nhin, Lò Sủi Thàng, Dìn Chin).

- Cha mẹ học sinh và nhân dân có nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của việc học đối với con em mình, đặc biệt là việc đồng ý, tạo điều kiện cho con em từ điểm trường về học tại trường chính để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện (một số xã như Nậm Cháy, Pha Long, Tả Gia Khâu, Nậm Lư, Cao Sơn, cha mẹ học sinh còn đề nghị, mong muốn đưa học sinh từ khối lớp 1, 2, 3 ra trường chính học); phụ huynh tin tưởng, ủng hộ các thầy cô, ủng hộ chủ trương quy hoạch trường, lớp của huyện.

- Công tác huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, phòng học, phòng ở học sinh, nhà công vụ giáo viên các công trình phụ trợ cho học sinh bán trú được tăng cường, cơ bản đảm bảo tiến độ, đáp ứng nhu cầu của các nhà trường.

- Chất lượng giáo dục bước đầu có sự chuyển biến, nâng lên đối với học sinh ở điểm trường về học tại trường chính (Các em được tham gia nhiều hơn các hoạt động thập thể, được học nhiều môn học hơn, và đặc biệt là kỹ năng sống, kỹ năng giao tiếp được thể hiện rõ hơn).

2. Khó khăn, vướng mắc

- Điều kiện cơ sở vật chất ở các trường vẫn còn nhiều khó khăn, nhất là so với quy định tại Thông tư mới về tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia (Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, Thông tư 14/2020/TT-BGDĐT). Có 68 trường, điểm trường chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó: Mầm non 55 điểm, Tiểu học 12 điểm, THCS 01.

- Có 18 trường, điểm trường cần mở rộng diện tích đất từ 1000 đến 5000m².

- Đội ngũ: Hằng năm thiếu so với nhu cầu.

- Một số cơ sở giáo dục thuộc các xã vùng cao như Dìn Chin, Tả Gia Khâu, Cao Sơn, La Pan Tẩn, Tả Thàng thiếu nguồn nước sinh hoạt, ảnh hưởng đến công tác duy trì, nuôi ăn cho học sinh bán trú.

IV. Mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai quy hoạch mạng lưới trường, lớp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

1. Mục tiêu chung

Xây dựng hoàn thiện hệ thống mạng lưới, quy mô giáo dục và đào tạo, tạo chuyên môn căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục; đáp ứng nhu cầu học tập, xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi người. Đảm bảo các điều kiện cơ sở vật chất, chuẩn hóa, hiện đại hóa, phát triển sâu rộng hệ thống trường bán trú, từng bước hội nhập, ứng dụng công nghệ trong dạy và học. Xây dựng đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo cơ cấu, đủ năng lực chuyên môn đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ, đưa giáo dục Mường Khương phát triển ngang tầm với các huyện phát triển của tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Giai đoạn 2021-2025

- *Phát triển mạng lưới trường lớp học, quy mô giáo dục phù hợp, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân:* Tổng số 55 trường, trong đó: Mầm non 20 trường, 256 nhóm lớp và 5776 trẻ (nhóm trẻ 42 nhóm, 1206 trẻ; lớp mẫu giáo 214 lớp, 4506 trẻ); Tiểu học 16 trường, 358 lớp và 7889 học sinh, THCS 19 trường, 175 lớp và 6412 học sinh.

- *Quy hoạch mạng lưới trường lớp:*

+ Số trường sáp nhập: 01 trường (sáp nhập trường TH Chợ Châu với Trường THCS Chợ Châu thành trường TH&THCS Chợ Châu)

+ Số học sinh ở điểm trường về học ở trường chính: 535

Huy động 100 % số học sinh lớp 3,4,5 ở điểm trường về học ở trường chính

- *Tỷ lệ huy động:* Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ ra lớp đạt trên 50%; tỷ lệ huy động trẻ từ 3-5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; tỷ lệ học sinh vào lớp 1 đạt 100%; tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6 đạt 100%; tỷ lệ học sinh TNTHCS học lên THPT và các trường nghề trên 80%.

- *Xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia:* Phần đầu đạt 41/55 trường đạt chuẩn quốc gia (Đạt 74,5%).

- *Thành lập trường PTDTBT:* Phần đầu đến năm 2025 có 20 trường PTDTBT (Tiểu học 09 trường, THCS 09 trường, TH&THCS 02 trường).

- *Chỉ tiêu duy trì phổ cập xóa mù chữ:* Củng cố, duy trì vững chắc kết quả Phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi; 16/16 xã, thị trấn đạt chuẩn PCGD Tiểu học mức độ 3; duy trì đạt chuẩn, công nhận mới PCGD THCS mức độ 3 đối với 02 xã (Lùng Vai, Bản Xen); duy trì mức độ 1 đối với xã Bản Lâu; duy trì mức độ 2 đối với 13 xã/thị trấn còn lại; huyện duy trì PCGD THCS mức độ 1, duy trì xóa mù chữ mức độ 2. Tiếp tục mở lớp giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ theo kế hoạch.

- *Các chỉ số giáo dục (theo Quyết định số 2161/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

+ Tỷ lệ học sinh lớp 2 đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học đạt 100%; Tỷ lệ học sinh lớp 3 đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học đạt 100%.

+ Tỷ lệ học sinh cuối cấp tiểu học đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học đạt 100%.

+ Tỷ lệ học sinh cuối cấp THCS đạt được mức độ thông thạo tối thiểu về đọc hiểu và toán học đạt 100%.

+ Tỷ lệ % trẻ em đi học được đánh giá kết quả học tập theo quy định của quốc gia: Trong quá trình học Tiểu học 100%; kết thúc Tiểu học 100%; kết thúc Trung học cơ sở 100%.

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%.

+ Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình trung học cơ sở đạt 100%.

2.2. Giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2050

- Quy hoạch mạng lưới trường, lớp đáp ứng tốt nhu cầu học tập của Nhân dân trên địa bàn huyện Mường Khương; đảm bảo số lượng trường/cấp học ở mỗi xã, thị trấn, sáp nhập các trường có điều kiện thuận lợi, giảm số lượng các điểm trường lẻ đưa học sinh về học tại trường chính đối với cấp học tiểu học, sáp gộp các điểm trường quy mô nhỏ cấp học mầm non; quy hoạch sắp xếp lại các trường học trên địa bàn các xã, thị trấn cho phù hợp với tình hình phát triển chung của huyện, xây dựng hệ thống trường học chất lượng cao và phát triển hệ thống trường THPT, củng cố hệ thống các trường bán trú, nội trú. Tập trung các nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, chuẩn hóa, hiện đại hóa các trường học, xây dựng trường học đạt chuẩn Quốc gia.

- Hoàn chỉnh quy hoạch sắp xếp mạng lưới trường, lớp đảm bảo ổn định cho phát triển lâu dài; cơ bản không còn các điểm trường lẻ đối với hệ thống giáo dục tiểu học, điểm trường lẻ của giáo dục mầm non được sắp xếp tinh gọn, hợp lý.

- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn đảm bảo yêu cầu phát triển năng lực, phẩm chất và nhu cầu nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế xã hội địa phương; chuẩn hóa giáo dục từ mầm non đến phổ thông và giáo dục thường xuyên, đến 2050 cơ bản đạt chuẩn Quốc gia; có trên 60% trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Đảm bảo đội ngũ người làm công tác giáo dục đủ về số lượng, cân đối cơ cấu, tỷ lệ; đội ngũ có đạo đức nghề nghiệp, tâm huyết với nghề, có chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, chủ động tiếp cận và triển khai các phương pháp dạy học tiên tiến, trực tuyến, làm chủ các thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng ngoại ngữ trong dạy học.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được chuẩn hóa, hiện đại hóa, đảm bảo các yêu cầu về diện tích, trang thiết bị, điều kiện học tập, sinh hoạt, vui chơi của học sinh... đáp ứng yêu cầu hội nhập, hợp tác trong và ngoài nước. Đa dạng hóa các hình thức học tập, cung cấp các dịch vụ giáo dục, tạo cơ hội và khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng cho tất cả người dân, xây dựng xã hội học tập.

- Xây dựng trường điểm về chất lượng: Phần đầu giai đoạn 2026-2030 tại khu vực Trung tâm huyện và khu vực Bản Lầu ở mỗi cấp học (MN, TH, THCS) có ít nhất một trường điểm về chất lượng; tại các khu vực Cao Sơn và Pha Long có ít nhất mỗi cấp học một trường đạt từ 1 đến 2 tiêu chuẩn của trường điểm về chất lượng. Đến năm 2050 ở mỗi cấp học có ít nhất 04 trường điểm về chất lượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đưa ngành giáo dục huyện Mường Khương đứng top 3 của tỉnh Lào Cai.

- Phần đầu đến năm 2050 có 01 cơ sở giáo dục ngoài công lập.

3. Những dự báo cụ thể: (Có các biểu mẫu thống kê I đến X kèm theo)

4. Nhiệm vụ và giải pháp

4.1. Giải pháp về chính trị tư tưởng

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức từ các cấp quản lý, chính quyền các địa phương, Nhân dân trên địa bàn hiểu rõ quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống trường, lớp là một chủ trương lớn tạo điều kiện cho con em trong huyện được học tập trong điều kiện tốt nhất để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

- Quy hoạch là việc làm cần thiết mang tính khoa học đảm bảo cho phát triển lâu dài, cần có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự quyết tâm của các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương và sự đồng thuận của Nhân dân.

4.2. Giải pháp chỉ đạo, quản lý

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm: Giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân; đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, phải được ưu tiên đi trước; khoa học kỹ thuật là then chốt. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng và phải được phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của toàn dân để đổi mới, phát triển giáo dục, đào tạo.

- Phát huy vai trò tham mưu, thực hiện quản lý nhà nước về giáo dục của các cơ quan chuyên môn trong thực hiện định hướng, mục tiêu về giáo dục và đào tạo; tham mưu huy động các nguồn lực đầu tư thực hiện quy hoạch.

4.3. Giải pháp về cơ chế chính sách, nguồn lực

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn được đầu tư cho giáo dục theo hướng trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả. Xác định nguồn lực đầu tư, tập trung thực hiện triển khai theo hướng đồng bộ, chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Kết hợp tốt các nguồn đầu tư, các chương trình ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, hoàn thành mục tiêu kiên cố hóa trường lớp, đảm bảo chuẩn hóa, hiện đại hóa.

- Việc thực hiện Quy hoạch yêu cầu mở rộng diện tích một số trường học (hoặc điểm trường), căn cứ vào Quy hoạch, sắp xếp dân cư của huyện để ưu tiên bố trí quỹ đất giành cho mở rộng trường học, đảm bảo thuận tiện cho người học và đủ diện tích theo yêu cầu.

4.4. Giải pháp về xây dựng đội ngũ, nhân lực cho giáo dục và đào tạo

- Nâng cao chất lượng đội ngũ đảm bảo sự cân đối hợp lý về cơ cấu, đạt chuẩn

trình độ đào tạo, gắn với từng vị trí việc làm. Đến năm 2030, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Tỷ lệ đảng viên trong ngành đạt 70% trở lên, 100% cán bộ quản lý và giáo viên trong quy hoạch có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

- Sắp xếp, bố trí, từng bước thực hiện các biện pháp giải quyết giáo viên không đáp ứng yêu cầu giảng dạy. Thực hiện tốt công tác tiếp nhận giáo viên chuyên vùng, tuyển dụng, điều động giáo viên; khuyến khích, thu hút các giáo viên có năng lực, đủ phẩm chất về công tác tại huyện.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quy hoạch về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, ngoại ngữ, Tin học... Phối hợp với các trường chuyên nghiệp (Phân hiệu trường Đại học sư phạm Thái Nguyên tại Lào Cai, trường chính trị tỉnh Lào Cai...) để tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng chuyên môn và chính trị cho đội ngũ CBGV.

- Thực hiện tốt quy trình bổ nhiệm CBQL, lựa chọn bổ nhiệm đúng người, đúng việc. Nâng cao năng lực quản lý: Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nghiệp vụ quản lý tài chính, tài sản và sử dụng nguồn nhân lực có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác xây dựng kế hoạch biên chế và phương án tiếp nhận giáo viên chuyên vùng, để giúp cho đội ngũ giáo viên của huyện từng bước được trẻ hóa, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, cân đối về cơ cấu, đủ về tỷ lệ.

4.5. Đổi mới quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo

- Đối với giáo dục mầm non, giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, hiểu biết, hình thành các yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào lớp 1. Duy trì và giữ vững phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi và nâng cao chất lượng phổ cập trong những năm tiếp theo. Phát triển giáo dục mầm non dưới 5 tuổi có chất lượng phù hợp với điều kiện của từng đơn vị.

- Đối với giáo dục phổ thông, tập trung phát triển trí tuệ cho học sinh, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp, phân luồng cho học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. Bảo đảm cho học sinh có trình độ trung học cơ sở (hết lớp 9) của huyện có tri thức phổ thông nền tảng, đáp ứng yêu cầu phân luồng mạnh sau trung học cơ sở. Các trường Trung học phổ thông định hướng và tổ chức cho học sinh tiếp cận nghề nghiệp để chuẩn bị cho giai đoạn học sau phổ thông có chất lượng.

- Đối với giáo dục thường xuyên, bảo đảm cơ hội cho mọi người học ở các xã, thị trấn trong huyện, các đối tượng chính sách được học tập nâng cao kiến thức, trình độ, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ và chất lượng cuộc sống. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để người dân được học nghề, bảo đảm xóa mù chữ bền vững.

4.6. Đẩy mạnh XHH và mở rộng hợp tác quốc tế để phát triển giáo dục

- Tích cực tuyên truyền và thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xã hội hóa giáo dục.

- Tiếp tục chỉ đạo và làm tốt công tác tham mưu cho các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để có những chỉ đạo cụ thể theo từng kỳ, từng giai đoạn.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của Nhân dân đối với giáo dục. Tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân, các cơ quan ban ngành để đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học.

V. Kiến nghị, đề xuất

1. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục kiến nghị Chính phủ triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ trẻ mầm non, học sinh phổ thông, học sinh bán trú đối với vùng khó khăn. Thực hiện chính sách phát triển đội ngũ nhà giáo, nâng tỷ lệ giáo viên/lớp và đội ngũ người làm công tác giáo dục.

- Tiếp tục định hướng phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc bán trú, thực hiện chính sách đối với hệ thống các trường bán trú và trường chuyên biệt, trường học chất lượng cao. Ban hành các thông tư, hướng dẫn giảm định mức học sinh/lớp, định mức giờ dạy cho giáo viên.

2. Đối với UBND tỉnh

- Đề nghị UBND tỉnh tiếp tục phê duyệt và triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng cho các trường học; ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp học.

- Tiếp tục ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng học sinh ở vùng khó khăn, trường bán trú, trường có học sinh bán trú ở các xã nông thôn mới nhưng có trên 80% là đồng bào dân tộc thiểu số.

3. Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo

- Tăng cường hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện quản lý chuyên môn, quản lý chất lượng giáo dục.

- Tham mưu UBND tỉnh thực hiện tuyển dụng, bố trí các nguồn lực đầu tư phát triển giáo dục để đảm bảo đội ngũ và trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học.

Trên đây là báo cáo kết quả 5 năm thực hiện Đề án rà soát, điều chỉnh mạng lưới trường lớp theo Quyết định số 2760/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh Lào Cai trên địa bàn huyện Mường Khương./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Lào Cai;
- TT. HU, UBND huyện;
- Phòng GD&ĐT huyện;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, PGD&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Trường Minh